

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học Xã hội học đại cương (202621-18)
CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222008	NGUYỄN ĐOÀN CƯỜNG			✓	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222154	TRINH HÀ VIỆT HUY			✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222043	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM			✓	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	1	<i>lyc</i>	3	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222064	NGUYỄN NGỌC NGỌC	1	<i>lyc</i>	01	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222066	TRẦN NGUYỄN	1	<i>lyc</i>	6	6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D	1	<i>lyc</i>	3	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222088	ĐƯƠNG THANH QUANG			✓	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC	1	<i>lyc</i>	5	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222094	LÊ THANH SANG			✓	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222100	CHÂU TẤN TÀI	1	<i>lyc</i>	5	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222102	VĂN THÀNH TÀI			✓	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH TÂN	1	<i>lyc</i>	3	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH			✓	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222123	VÕ NGỌC THUẬN			✓	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222114	TRẦN THỊ THỦY			✓	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222126	NGUYỄN QUỐC TOÀN	1	<i>lyc</i>	3	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	1	<i>lyc</i>	3	19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222152	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	1	<i>lyc</i>	01	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 10 Số tờ: 10 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

Lê M. Quang

Võ Văn Việt

Võ Văn Việt

Võ Văn Việt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-08)

CBGD Nguyễn Trọng Thế (027)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222005	ĐỖ THỊ AN BÌNH			✓	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222008	NGUYỄN ĐOÀN CƯỜNG			✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222034	ĐÌNH HUY HOÀN		Đinh Huy	6	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222043	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM			✓	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222044	NGUYỄN NHƯ KHOA			✓	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222079	SỸ DANH PHÚ		Phú	5	6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D PHÚC		Phúc	6	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222081	NGUYỄN QUỐC PHÚC		Phúc	6	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222084	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG		Phụng	6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222088	DƯƠNG THANH QUANG			✓	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC		Rực	5	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222094	LÊ THANH SANG			✓	12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222100	CHÂU TẤN TÀI		Tài	6	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222102	VĂN THÀNH TÀI			✓	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222110	NGUYỄN THỊ KIM THANH		Thanh	6	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222107	LÊ MINH THÀNH		Thành	5	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222103	NGUYỄN SỸ THẮNG		Thắng	5	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222113	CÙ HUY THIÊM		Huy	6	19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH			✓	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222123	VÕ NGỌC THUẬN			✓	21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222114	TRẦN THỊ THỦY			✓	22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH		Tuyết	6	23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222146	TRẦN THỊ LY UYÊN		Uyên	6	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 13 Số tờ: 13 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 21 tháng 5 năm 2011

Lê M. Quang

Nguyễn Trọng Thế

Nguyễn Trọng Thế

Nguyễn Trọng Thế

Nguyễn Trọng Thế

Nguyễn Trọng Thế

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD Nguyễn Trọng Thế (027)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222002	ĐẶNG LAN ANH	1	<i>Đặng Lan Anh</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	1	<i>Lê Huỳnh Ngọc</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC	2	<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222008	NGUYỄN ĐOÀN CUÔNG				4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222015	PHẠM CHÍ DU	1	<i>Phạm Chí Du</i>	3	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222012	HUỖNH HẢI DƯƠNG	1	<i>Huỳnh Hải Dương</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222030	NGUYỄN SƠN HIỂN	1	<i>Nguyễn Sơn Hiển</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222031	LÊ TRUNG HIỆP	1	<i>Lê Trung Hiệp</i>	1	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222027	PHAN VĂN HÓA	1	<i>Phan Văn Hóa</i>	6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT			✓	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222043	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM			✓	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222044	NGUYỄN NHƯ KHOA			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	2	<i>Nguyễn Thị Mỹ Linh</i>	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222057	VÕ HÀ NGỌC MAI	1	<i>Võ Hà Ngọc Mai</i>	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222065	NGUYỄN VĂN NGỌC	2	<i>Nguyễn Văn Ngọc</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222072	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	1	<i>Trần Thị Cẩm Nhung</i>	4	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222083	NGUYỄN ĐỨC PHONG	2	<i>Nguyễn Đức Phong</i>	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222088	DƯƠNG THANH QUANG			✓	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222089	VŨ CÔNG QUANG	2	<i>Vũ Công Quang</i>	5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222086	ĐẶNG XUÂN QUÂN	2	<i>Đặng Xuân Quân</i>	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC	2	<i>Nguyễn Thành Rực</i>	2	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222094	LÊ THANH SANG			✓	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222102	VĂN THÀNH TÀI			✓	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH TÂN	2	<i>Nguyễn Ngọc Minh Tân</i>	3	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222110	NGUYỄN THỊ KIM THANH	1	<i>Nguyễn Thị Kim Thanh</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222107	LÊ MINH THÀNH	1	<i>Lê Minh Thành</i>	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222108	PHẠM TẤN THÀNH	1	<i>Phạm Tấn Thành</i>	4	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222103	NGUYỄN SỸ THẮNG	1	<i>Nguyễn Sỹ Thắng</i>	6	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222111	PHAN THỊ BÍCH THI	Nhờ thi hộ		✓	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222113	CÙ HUY THIÊM	1	<i>Cù Huy Thiêm</i>	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH			✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 30 Số từ: 43 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

Nguyễn M. Quang

Nguyễn Huy Tâm

Nguyễn Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD Nguyễn Trọng Thế (027)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222115	TRƯƠNG MINH THỤ	1		5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09222123	VÕ NGỌC THUẬN			✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09222114	TRẦN THỊ THỦY			✓	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09222130	LÊ THỊ THU TRANG	2		5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	1		5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC TRUNG	2		3	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09222141	PHẠM ANH TUẤN	2		5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09222142	TRẦN CÔNG TUẤN	2		5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09222146	TRẦN THỊ LY UYÊN	1		5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09222149	NGUYỄN TUẤN VŨ			✓	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09222151	HUỲNH THÁI TRANG VY	2		5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 30 Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03978

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2** (213602-37)

CBGD Tạ Mỹ Nga (553)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222006	NGUYỄN DUY BÌNH	1	<i>[Signature]</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	1	<i>[Signature]</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222008	NGUYỄN ĐOÀN CƯỜNG			✓	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222013	NGUYỄN QUỐC DƯƠNG	1	<i>[Signature]</i>	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222025	CAO THỊ KIỀU HẠNH	1	<i>[Signature]</i>	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222030	NGUYỄN SƠN HIỀN	1	<i>[Signature]</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222031	LÊ TRUNG HIỆP	1	<i>[Signature]</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222037	VÕ THỊ NGỌC HUỆ	1	<i>[Signature]</i>	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222042	BÙI NGÔ NGỌC KHANH	1	<i>[Signature]</i>	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222043	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM			✓	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222044	NGUYỄN NHƯ KHOA			✓	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222041	NGÔ TUẤN KHÔI	1	<i>[Signature]</i>	6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222053	BÙI NGỌC LONG	1	<i>[Signature]</i>	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222048	PHẠM THỊ XUÂN LỘC	1	<i>[Signature]</i>	7	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222050	NGÔ THÁI LỢI	1	<i>[Signature]</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222058	NGUYỄN MÂY	1	<i>[Signature]</i>	5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222061	LÊ THANH NGÂN	1	<i>[Signature]</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222064	NGUYỄN NGỌC NGỌC	1	<i>[Signature]</i>	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222066	TRẦN NGUYỄN	1	<i>[Signature]</i>	5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222068	TRẦN THANH NHÂN	1	<i>[Signature]</i>	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222073	LÊ MINH NHỰT	1	<i>[Signature]</i>	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222083	NGUYỄN ĐỨC PHONG	1	<i>[Signature]</i>	5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222079	SỸ DANH PHÚ	1	<i>[Signature]</i>	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222081	NGUYỄN QUỐC PHÚC	1	<i>[Signature]</i>	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222084	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	1	<i>[Signature]</i>	7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222088	DƯƠNG THANH QUANG			✓	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222087	NGUYỄN HỒNG QUÂN	1	<i>[Signature]</i>	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ	1	<i>[Signature]</i>	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC	1	<i>[Signature]</i>	6	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222094	LÊ THANH SANG			✓	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222097	TRẦN TRUNG TÁ	1	<i>[Signature]</i>	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222099	CAO ĐỨC TÀI	1	<i>[Signature]</i>	6	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 56 Số tờ: 56 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2** (213602-37)

CBGD Tạ Mỹ Nga (553)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09222102	VĂN THÀNH TÀI			✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH TÂN	1		5	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09222105	VÕ QUỐC THÁI	1		6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09222110	NGUYỄN THỊ KIM THANH	1		5	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09222107	LÊ MINH THÀNH	1		5	6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09222108	PHẠM TẤN THÀNH	1		5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09222109	TRẦN THỊ THANH THẢO	1		5	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09222103	NGUYỄN SỸ THĂNG	1		5	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09222111	PHẠM THỊ BÍCH THỊ				10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09222113	CÙ HUY THIÊM	1		5	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH			✓	12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09222119	HUỲNH THỊ LÊ THU	1		7	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09222122	ĐOÀI ÍCH THUẬN			✓	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09222123	VÕ NGỌC THUẬN			✓	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09222114	TRẦN THỊ THỦY			✓	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09222126	NGUYỄN QUỐC TOÀN	1		5	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09222130	LÊ THỊ THU TRANG	1		5	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09222128	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT TRÂM	1		6	19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09222132	LƯU KIM TRINH	1		5	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	1		5	21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC TRUNG	1		5	22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09222137	NGUYỄN QUANG TRUNG	1		5	23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09222139	ĐOÀN THỊ TRUYỀN	1		7	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09222125	NGUYỄN THỤY TÚ	1		6	25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09222140	NGUYỄN XUÂN TUẤN	1		5	26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09222141	PHẠM ANH TUẤN	1		5	27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09222142	TRẦN CÔNG TUẤN	1		5	28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG TUYỀN	1		5	29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	1		6	30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09222145	PHẠM THỊ TUYẾT	1		5	31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09222146	TRẦN THỊ LY UYÊN	1		5	32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 56 Số tờ: 56 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

Le Minh Quang

Nguyễn Thị Bình

Bình

Nguyễn Thị Bình

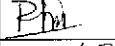
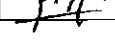
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2** (213602-37)

CBGD Tạ Mỹ Nga (553)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên																					
65	09222147	PHẠM QUANG VINH	1		6	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
66	09222150	PHAN PHI VŨ	1		6	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
67	09222151	HUỖNH THÁI TRANG VY	1		7	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
68	09222152	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	1		6	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10									

Số bài: 56 Số tờ: 56 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

